TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH LÂM ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 09/2022/HC-ST
Ngày: 26/4/2022
V/v "Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Ngọc Bình
Các Hội thẩm nhân dân : Bà Phùng Thị Hoài Phương
Bà Hoàng Thị Biên

- Thư ký phiên tòa: Bà Vũ Ngọc Thùy Dung - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Văn Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 27/2021/TLST-HC ngày 13-5-2021, về việc "*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*; Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2022/QĐXXST-HC ngày 25-01-2022; theo Quyết định hoãn phiên tòa số 72/ QĐST-HPT ngày 17-02-2022, Thông báo mở lại phiên toà xét xử sơ thẩm vụ án hành chính số 177/TB-PT ngày 08-4-2022 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Lê Xuân D, sinh năm 1953

Địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (theo giấy ủy quyền lập ngày 07-5-2021). Có mặt tại phiên tòa.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện B

Địa chỉ: tổ dân phố 8, thị trấn L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Ngọc N, chức vụ: Chủ tịch

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trung T, chức vụ: Phó chủ tịch (theo văn bản ủy quyền số 1208/GUQ ngày 20-5-2021). Vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960. Địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Vắng mặt tại phiên tòa.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân H, sinh năm 1985. Địa chỉ: thôn 8, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng (theo giấy ủy quyền lập ngày 07-5-2021). Có mặt tại phiên tòa.

2. Ông Lê Minh Q. Địa chỉ: thôn 4, xã L, huyện B, tỉnh Lâm Đồng. Có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN

**** Theo đơn khởi kiện ghi ngày 17-4-2021, đơn khởi kiện bổ sung ngày 08-5-2021 và bản tự khai của người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện ông Lê Xuân H trình bày:***

Năm 1999, gia đình ông D mua đất của ông H1 và múc ao, sử dụng từ đó cho đến nay, diện tích 731,5m^2, thuộc thửa số 12, tờ bản đồ trích đo (00), đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892980 do UBND huyện B cấp ngày 17 tháng 4 năm 2006. Tháng 4 năm 2020 gia đình ông đi cấp đổi mới biết thửa đất số 12 diện tích 731,5m^2 tờ bản đồ (00) (bản đồ trích đo) thay đổi thành thửa 46, diện tích 73l,2m^2 tờ bản đồ 43 (bản đồ đo đạc theo CT05) xã L được UBND huyện B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 015097 ngày 11/09/2014 cho ông Nguyễn Hữu T tại thửa 46 tờ bản đồ 43 (bản đồ CT05) đứng tên Lê Minh Q do nhận chuyển nhượng QSDĐ theo công chứng số 115/Q1 ngày 25/08/2011. Theo bản đồ đo đạc mới năm 2019 thửa 46, tờ bản đồ số 43 (bản đồ đo đạc theo CT05) thay đổi thành thửa 51, diện tích 73 l,2m^2 tờ bản đồ 41 sổ mục kê đất đai đứng tên Lê Minh Q. Yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết: Hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BV 015097 cấp ngày 11/09/2014 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Lê Minh Q.

**** Đại diện theo ủy quyền của người bị kiện UBND huyện B trình bày:***

Ngày 02/08/2014 ông Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính xã L. Ngày 09/08/2014 UBND xã L xác nhận vào đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất. Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B (nay là Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai) thẩm định và xác nhận đủ điều kiện cấp đổi vào ngày 20/08/2014. Phòng Tài nguyên và môi trường sau khi thẩm tra hồ sơ do Văn Phòng đăng ký quyền sử dụng đất huyện B gửi đến đã có tờ trình số 2765/TTr-TN&MT ngày 21/08/2014 gửi UBND huyện B về việc đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Hữu T sử dụng đất tại xã L. Ngày 11/09/2014 UBND huyện cấp Giấy chứng nhận QSD đất số BV 015097 cho ông Nguyễn Hữu T. Sau đó ông Nguyễn Hữu T chuyển nhượng QSD đất toàn bộ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43 cho ông Nguyễn Quang V theo hợp đồng số 79/Q01SCT/HĐ ngày 31/05/2016 có chứng thực của UBND xã L. Ngày 25/08/2016 ông Nguyễn Quang V chuyển nhượng QSD đất cho ông Lê Minh Q theo hợp đồng số 115/Q01SCT/HĐ của UBND xã L.

Hiện nay diện tích 731,2 m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính xã L (đo đạc mới năm 2019 là thửa 51, tờ bản đồ 41) hiện trạng là ao do ông Lê Xuân D là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng.

Việc UBND huyện B cấp 02 giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Xuân D và ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Lê Minh Q đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thiết lập hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho ông T thì UBND xã L đã không tiến hành xác minh thực địa để xác định đúng vị trí thửa đất mà gia đình ông T đang sử dụng vì vậy thiết lập sai số thửa, dẫn đến việc UBND huyện ban hành 02 GCNQSD trên cùng 1 thửa đất.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Minh Q trình bày:***

Tháng 08 năm 2016 ông nhận chuyển nhượng thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43 tại xã L của ông Nguyễn Quang V, đã sang tên tại trang tư GCNQSDĐ số BV 015097 do UBND huyện B cấp ngày 11-9-2014 cho ông Nguyễn Hữu T. Đến năm 2019 ông trực tiếp canh tác thì được biết phần đất này ông D cũng được cấp GCNQSDĐ. Với yêu cầu khởi kiện của ông D, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T trình bày:***

Thống nhất lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền người khởi kiện. Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật

Vụ án đã được tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo thủ tục chung; tổ chức đối thoại nhưng không được.

Tại phiên tòa, người khởi kiện vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nhưng tại các văn bản trình bày trong hồ sơ vẫn thể hiện đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật đối với yêu cầu khởi kiện của ông D.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lâm Đồng đã phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng hành chính từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án không vi phạm gì.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án và đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 193 của Luật tố tụng hành chính; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BV 015097 cấp ngày 11/09/2014 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến đông tại trang 4 cho ông Lê Minh Q.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] *Về tố tụng*: Trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện B; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3

Điều 158 Luật tố tụng hành chính, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án theo thủ tục chung.

[2] *Về đối tượng, thời hiệu khởi kiện, thẩm quyền*: Tháng 4 năm 2020, gia đình ông D thực hiện cấp đổi sổ mới theo quy định thì được biết phần diện tích đang quản lý sử dụng đã cấp vào GCNQSDĐ của ông Nguyễn Hữu T tại thửa 46, tờ bản đồ 43. Sau đó ông T chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V, ông V tiếp tục chuyển nhượng và sang tên tại trang tư cho ông Lê Minh Q. Ngày 17-4-2021, ông D có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy giấy chứng nhận QSDĐ số BV 015097 cấp ngày 11/09/2014 do UBND huyện B cấp cho ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến đông tại trang 4 cho ông Lê Minh Q.

Căn cứ Khoản 2 Điều 3, Điều 30, Điều 32 của Luật tố tụng Hành chính xác định đối tượng khởi kiện là "*Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*" còn trong thời hiệu khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận QSD đất cho ông Nguyễn Hữu T:*

Ngày 02/08/2014, ông Nguyễn Hữu T có đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ số 00 diện tích 958,78 m^2 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất AD 892981 do UBND huyện B cấp ngày 16-04-2006.

Sau khi Chi nhánh Văn Phòng đăng ký đất đai huyện B thẩm định và xác nhận đủ điều kiện cấp đổi vào ngày 20/08/2014. Phòng Tài nguyên và môi trường sau khi thẩm tra hồ sơ đã gửi tờ trình đến UBND huyện B về việc đề nghị cấp đổi Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Hữu T sử dụng đất tại xã L đối với thửa đất số 11, tờ bản đồ 00 đổi thành thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43- xã L, diện tích 731,2 m^2.

Ngày 11-09-2014, UBND huyện cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 015097 cho ông Nguyễn Hữu T. Sau đó ông Nguyễn Hữu T chuyển nhượng quyền sử dụng đất toàn bộ thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43 cho ông Nguyễn Quang V theo hợp đồng số 79/Q01SCT/HĐ ngày 31/05/2016 có chứng thực của UBND xã L. Ngày 01/6/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận biến động tại trang tư GCNQSDĐ số BV 015097.

Ngày 25/08/2016 ông Nguyễn Quang V chuyển nhượng QSD đất cho ông Lê Minh Q theo hợp đồng số 115/Q01SCT/HĐ của UBND xã L. Ngày 31/8/2016, Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận biến động tại trang tư GCNQSDĐ số BV 015097.

[4] Về trình tự, thủ tục, thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng

đất cho ông Lê Xuân D:

Theo Công văn số 2314/CN-BLA ngày 07-4-2022 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B về cung cấp thông tin địa chính thể hiện nôi dung qua kiểm tra ra soát hiện chưa tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân D đối với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43 - xã L, huyện B. Do đó, tạm thời Chi nhánh chưa cung cấp được cho Tòa án.

[5] Xét yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện, ý kiến của người bị kiện; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan; đối chiếu với tài liệu chứng cứ đã thu thập thể hiện:

Theo lời trình bày của người khởi kiện ông D sử dụng ổn định, không có tranh chấp với ai.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ, đo vẽ ngày 19-11-2021 (BL 88-90):

Phần diện tích thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43 là một ao hồ có diện tích 731,5m^2. Xung quanh ao hồ có khoảng 14 cây mít, 04 bụi tre lớn, 01 cây me, 01 bụi chuối lớn. Ngoài ra không có tài sản nào khác trên đất.

Về Tứ cận: Phía Tây Bắc giáp nhà ông Lê Minh Q, ba phía còn lại là giáp đường đất rộng khoảng 1m.

Theo phần trình bày ông Q, ông H thống nhất: Phía Tây Bắc của thửa đất, ông Q trồng 10 cây mít vào đầu năm 2020 trên bờ ao. Các cây mít còn lại, bụi tre, cây chuối là do gia đình ông D trồng. Trong đó có 05 cây mít nhỏ trồng khoảng 2 năm. Còn các bụi tre, bụi chuối thì ông D trồng đã lâu không nhớ chính xác năm nào.

Hiện nay, gia đình ông D vẫn đang quản lý và sử dụng cái ao.

Ông Q trình bày ông mua đất hợp pháp, khi mua trên sổ đã có cái ao này, ông chỉ biết là của mình. Khi mua, không đo ranh giới diện tích đất chỉ ra đất để chỉ ranh. Lúc mua, ông ở thành phố Hồ Chí Minh nhờ người khác quản lý trông coi, đến nay mới lên sử dụng.

Ngoài ra, tại đơn đề nghị cấp lại, cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất của ông Nguyễn Hữu T ngày 02-8-2014 (BL 62) thể hiện thông tin thửa đất theo giấy chứng nhân quyền sử dụng đất đã cấp là thửa đất số 11, tờ bản đồ số 00 diện tích 958,78 m^2 thay đổi thành thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43, diện tích 731,2 m^2. Tuy nhiên tại tờ trình số 2765/TTr-TN&MT ngày 21-8-2014 của Phòng Tài nguyên và môi trường huyện B (BL 61) thể hiện các thửa đất trước khi cấp đổi của ông Tâm chỉ có thửa 09, thửa 13, thửa 5, tờ bản đồ số 00; không có thửa 11. Tại hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liên với đất giữa ông Nguyễn Đức T (đại

diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Hữu T) và ông Nguyễn Quang V vào ngày 31-5-2016 và hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liên với đất giữa ông Nguyễn Quang V và ông Lê Minh Q ngày 25-8-2016 (BL 49-59) đều thể hiện thửa số 46, tờ bản đồ số 43, diện tích 731,2m^2 là đất trồng cây lâu năm. Tài sản gắn liến trên đất là đất vườn cà phê đang thời kỳ cho thu hoạch loại A, trồng năm 1998, mật độ 100 cây/1000m^2, trên đất không có nhà.

Trong khi đó tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892980 do UBND huyện B cấp ngày 17-04-2006 cho ông Lê Xuân D tại thửa số 12, tờ bản đồ số 00, diện tích 731,5 m^2 là đất nông nghiệp, tài sản gắn liền với đất là ao cá (BL 10). Như vậy thực tế sử dụng đất của ông D giống như trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà ông D được cấp.

Mặt khác, tại công văn số 2968/UBND ngày 11/10/2021, UBND huyện B đã có văn bản trả lời cho Tòa án về việc một thửa đất có hai giấy chứng nhận quyền sử dụng đất có nội dung như sau:

" Hiện nay diện tích 731,2 m^2 tại thửa đất số 46, tờ bản đồ số 43, bản đồ địa chính xã L (đo đạc mới năm 2019 là thửa 51, tờ bản đồ 41) hiện trạng là ao do ông Lê Xuân D là người đang trực tiếp quản lý và sử dụng.

Việc UBND huyện B cấp 02 giấy chứng nhận QSD đất cho ông Lê Xuân D và ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến động tại trang tư cho ông Lê Minh Q đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, trong quá trình thiết lập hồ sơ cấp đổi GCNQSDĐ cho ông T thì UBND xã L đã không tiến hành xác minh thực địa để xác định đúng vị trí thửa đất mà gia đình ông T đang sử dụng vì vậy thiết lập sai số thửa, dẫn đến việc UBND huyện ban hành 02 GCNQSD trên cùng 1 thửa đất."

Từ những phân tích trên thấy rằng, UBND huyện B đã cấp đổi giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 015097 cấp ngày 11-09-2014 cho ông Nguyễn Hữu T nay đã đăng ký biến động tại trang 4 cho ông Nguyễn Quang V và ông Lê Minh Q không đúng hiện trạng sử dụng đất.

Do thửa đất đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, người được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đã thực hiện quyền chuyển quyền sử dụng đất và được xác nhận nội dung chuyển nhượng trong giấy chứng nhận nên căn cứ điểm d, Khoản 2 Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Khoản 5 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D; Tuyên huỷ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trên.

Đối với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AD 892980 do UBND huyện B cấp ngày 17-04-2006 cho ông Lê Xuân D tại thửa số 12, tờ bản đồ số 00, hiện Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B đã tiến hành kiểm tra ra soát hiện

chưa tìm thấy hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Lê Xuân D nên tạm thời Chi nhánh chưa cung cấp được cho Tòa án nên chưa đủ cơ sở để xem xét giải quyết trong vụ án này. Do đó, kiến nghị UBND huyện B kiểm tra, xem xét, xử lý việc giấy chứng nhận quyền sử dụng số AD 892980 cấp ngày 17-04-2006 cho ông Lê Xuân D tại thửa số 12, tờ bản đồ số 00 theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ.

[6] Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

[7] Về chi phí tố tụng: Quá trình thu thập chứng cứ, ông Lê Xuân D yêu cầu xem xét, thẩm định tại chỗ; nộp tạm ứng chi phí số tiền 4.377.000 đồng *(Bốn triệu bă trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*. Ông Lê Xuân D tự nguyện chịu toàn bộ chi phí này và đã được quyết toán xong.

[8] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận nên người bị kiện UBND huyện B phải chịu án phí hành chính sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Ông D được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại các Điều 12, 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Điều 2 Luật người cao tuổi.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1, 3 Điều 158; Điều 164; điểm b khoản 2 Điều 193; Điều 348; Điều 206 của Luật tố tụng hành chính; khoản 2, Điều 106 Luật đất đai 2013, khoản 6 Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính phủ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về án phí lệ phí Tòa án; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Xuân D về *"Khiếu kiện yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*".

- Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BV 015097 do UBND huyện B cấp ngày 11/09/2014 cho ông Nguyễn Hữu T đã được Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện B xác nhận nội dung biến động tại trang 4 Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chuyển nhượng cho ông Nguyễn Quang V ngày 01-6-2016 và ông Lê Minh Q ngày 31-8-2016.

- Kiến nghị UBND huyện B kiểm tra, xem xét, xử lý việc giấy chứng nhận

quyền sử dụng số AD 892980 cấp ngày 17-04-2006 cho ông Lê Xuân D tại thửa số 12, tờ bản đồ số 00 theo quy định tại Điều 106 Luật đất đai năm 2013; Điều 87 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15-5-2014 của Chính Phủ.

- Đối với các giao dịch chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án nếu có tranh chấp do các bên tự thỏa thuận giải quyết; trường hợp không thỏa thuận được thì có quyền khởi kiện vụ án dân sự theo thủ tục chung.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Lê Xuân D phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng với số tiền là 4.377.000 đồng *(Bốn triệu bă trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)*. Ông D đã nộp và được quyết toán xong.

3. Về án phí: Buộc người bị kiện UBND huyện B phải chịu 300.000 đồng án phí hành chính sơ thẩm;

4. Về quyền kháng cáo: Báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án (hoặc trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết), để yêu cầu Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND Cấp cao tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Lâm Đồng;
- Phòng KTNV&THA;
- Cục THADS tỉnh LĐ
- Người khởi kiện (*để thi hành*)
- Người bị kiện
- Người liên quan
- Lưu án văn; Hồ sơ vụ án;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Đặng Ngọc Bình